TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

&&&

Bản án số: 7/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2020.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2/. Ông Huỳnh Khởi.

* Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 489/2019/TLST-HNGĐ ngày 5/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Kiêm Thị K**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lý Si P**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2019, nguyên đơn bà Kiêm Thị K trình bày: Năm 1998 bà với ông P tự nguyện chung sống với nhau, sau đó ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/4/2008. Quá trình sống chung, ông bà có hai người con chung là chị Lý Thị Mỹ N, sinh ngày 7/7/1998 và anh Lý Quốc T, sinh ngày 01/7/2001. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau nên ông bà đã không còn chung sống với nhau từ 5 năm nay.

Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu ly hôn với ông P, về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Lý Si P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà K và ông P được ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lý Si P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông P vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà K và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về hôn nhân: Trước đây bà K và ông P tự nguyện sống chung với nhau, sau đó ông bà đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2008 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà K cho rằng sau một thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do ông P không lo làm ăn nên ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ khoảng 5 năm nay. Nay bà K xin ly hôn với ông P, còn ông P không có ý kiến. Thấy rằng: Hôn nhân giữa bà K với ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay bà K cương quyết yêu cầu ly hôn với ông P. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K, cho bà và ông P được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Bà P và ông K có hai con chung là chị Lý Thị Mỹ N, sinh ngày 7/7/1998 và anh Lý Quốc T, sinh ngày 01/7/2001, tất cả đã trưởng thành, bà K không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiêm Thị K.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiêm Thị K được ly hôn với ông Lý Si P.

2/. Về con chung: Bà Kiêm Thị K và ông Lý Si P có hai con chung là chị Lý Thị Mỹ N, sinh ngày 7/7/1998 và anh Lý Quốc T, sinh ngày 01/7/2001, tất cả đã trưởng thành.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiêm Thị K không yêu cầu giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Kiêm Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001035 ngày 5/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà K đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm